**Bài 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN**

(12 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút.

+ Bài tuỳ bút thể hiện dòng cảm xúc của một người con xa quê hồi nhớ mùa xuân của Hà Nội thân yêu. Cái tôi tác giả được thể hiện thông qua các yếu tố như hoàn cảnh sáng tác, những rung động tâm hồn, cách cảm, cách nhìn về khung cảnh mùa xuân.

+ Lời văn cúa bài tuỳ bút giàu hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ, từ ngữ biểu cảm.

- HS nhận biết được chủ đề, thông điệp của VB: Bài tuỳ bút biểu lộ tình yêu, sự gắn bó tha thiết với quê hương, gia đình của tác giả. Qua những rung động tinh tế của một tâm hồn nhạy cảm, sức sống con người và hương sắc đất trời Hà Nội - miền Bắc vào tháng Giêng hiện lên như một sự khởi đầu cho dòng hồi tưởng (với mỗi tháng là một khung cảnh, câu chuyện), “sống lại” với quá khứ đầy thương nhớ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Máy tính, máy chiếu

- Giáo án; ppt;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**ĐỌC**

**Văn bản (1)**

**THÁNG GIÊNG MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT**

**(Trích, Vũ Bằng)**

(2 tiết)

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Mục tiêu:** Tạo hứng thú, định hướng học sinh vào nội dung bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| 1. Những bài hát, tranh, ảnh về mùa xuân;  2. Điều em thích nhất ở mùa xuân.  GV có thể cho HS xem một đoạn phim ngắn, tranh, ảnh, nghe một bài hát,... về mùa xuân. GV có thể giới thiệu sơ lược những tín hiệu thẩm mĩ trong bức tranh Chợ hoa đào ở SHS, trang 108 (không khí của Hà Nội khi xuân về, trang phục của phụ nữ,...).  HS thực hiện nhiệm vụ  GV dẫn vào bài mới, HS tiếp nhận thông tin bài học.  *Mùa xuân về làm khơi dậy sức sống trong lòng mỗi người, làm bừng dậy lòng yêu đời, khát khao mãnh liệt về sự sống và tình yêu thương. Vậy trong tâm tưởng của nhà văn Vũ Bằng- người con xa quê thì mùa xuân quê hương mang những nét đẹp nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay.* … | ***1. Những bài hát, tranh, ảnh về*** mùa xuân: học sinh có thể sưu tầm tên bài hát, tranh ảnh...;  ***2. Điều em thích nhất ở mùa xuân:*** thời tiết, không khí, chợ xuân, ngày Tết... |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Vũ Bằng và văn bản “ Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt” trích tác phẩm “*Thương nhớ Mười Hai*”.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm***  - Nêu những nét chính về nhà văn Vũ Bằng?  **HS** trình bày theo nhóm.  **GV** chốt kiến thức trên máy chiếu  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chung về văn bản**  *- Chuẩn bị để trình bày về bài làm của mình trước lớp.*  *- Lắng nghe phần trình bày của các bạn khác, ghi lại những nội dung bạn có kết quả khác với em và tìm nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau đó.*  ***HS*** *ghi lại được những nội dung mà các bạn khác có kết quả khác với mình, đưa ra nhận định kết quả nào đúng và giải thích tại sao?*  **Nhiệm vụ 3: Khám phá văn bản**  **Nội dung 1: *Không gian mùa xuân và không gian gia đình trước mùa xuân***  **Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rẳm tháng Giêng) và chi tiết miêu tả không gian gia đình.  **\* Tổ chức thực hiện**  - Tổ chức cho HS HĐ nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 1 (5 phút)  - Phát phiếu  **Phiếu học tập số 1:**   |  |  | | --- | --- | | **Không gian thiên nhiên và không gian gia đình trước mùa xuân** | | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | - Tìm chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rẳm tháng Giêng) |  | | - Tìm được những chi tiết miêu tả không gian gia đình. |  | | - Nhận xét về không gian mùa xuân của thiên nhiên và không gian gia đình. |  |   **Hs** trả lời phiếu học tập  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  - Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.  - GV đặt thêm những cầu hỏi phụ để HS lần lượt khám phá không gian Hà Nội vào mùa xuân (Ví dụ: Em hình dung “mưa riêu riêu” là mưa như thế nào? Em cảm nhận “gió lành lạnh” khác gió lạnh như thế nào? Thử tưởng tượng “tiếng nhạn kêu trong đêm xanh”. Em đã bao giờ nghe tiếng trống chèo?...).  - GV nêu những câu hỏi phụ, gợi ý HS tìm từ ngữ diễn tả một cách tinh tế bước chuyển đổi của thiên nhiên (*Nhà văn cảm nhận sự thay đổi của thiên nhiên qua những đối tượng nào? Em có nhận xét gì về những từ ngữ như “hơi phai”, “mùi hương man mác”, “vệt xanh tươi”, “làn sáng hồng”,...? Em hình dung thế nào về “đêm xanh biêng biếc”? Tại sao trong đêm vẫn thấy được từng cánh sếu bay?...).*  - GV đặt câu hỏi phụ để gợi ý HS cảm nhận không gian gia đình *(Ví dụ: Khi mùa xuân đên, bầu không khí gia đinh được miêu tả như thê nào? Cuộc sống êm đềm thường nhật được thể hiện qua những nét sinh hoạt nào của gia đình?...).*  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chốt kiến thức  *V : Qua việc hồi tưởng vế những điều có thực trong không gian Hà Nội vào mùa xuân mà mình đã từng trải nghiệm, tác giả đã bộc lộ những cảm nhận tinh tế, tình cảm gắn bó, mến yêu tha thiết với quê hương, gia đình. Đây cũng chính là một trong những nét đặc trưng của thể loại tuỳ bút.*  **Nội dung 2: *Tìm được những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên và con người được khơi dậy trước mùa xuân.***  **Gv cho hs làm phiếu học tập số 2**  **Phiếu học tập số 2:**   |  |  | | --- | --- | | **Sức sống của thiên nhiên, con người trước mùa xuân** | | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | - Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên trước mùa xuân. |  | | - Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của con người trước mùa xuân. |  | | - Nhận xét về sức sống của thiên nhiên và con người trước mùa xuân. |  |   Một số **HS** trình bày về bài làm của mình khi được **GV** chỉ định. Các **HS** khác thực hiện nhiệm vụ. **GV** điều hành phần trình bày, đặt thêm câu hỏi để làm rõ sự giống và khác nhau trong mỗi bài.  **GV** nhận xét sơ lược về sự giống nhau và khác nhau trong bài làm của cả lớp; có thể chọn một vài HS báo cáo/ giải thích kết quả bài làm (dựa vào những gì các em đã nộp để chọn HS theo ý đồ); yêu cầu **HS** thảo luận các nội dung sau đây:  - *Cảm giác của con người có dễ nhận biết không? Làm thế nào để cho người khác cảm thấy được những cảm giác đó của mình?...* Sau khi HS đưa những nhận xét về cách tác giả diễn tả cảm giác, GV hướng HS kết nối VB đọc với tri thức ngữ văn, chỉ ra ngôn ngữ bài tuỳ bút này rất giàu hình ảnh, chất thơ, biểu hiện ở những hình ảnh giàu sức gợi. Hình ảnh được sử dụng trong tuỳ bút chủ yếu là để diễn tả nội dung cảm xúc.  GV khơi gợi để HS chú ý hai cách diễn tả thế giới tâm hổn của nhà văn: cách diễn tả cảm giác bằng hình ảnh và cách diễn tả trực tiếp tình cảm (qua các cách diễn đạt bằng từ ngữ thể hiện tình cảm như “tôi yêu”, “muốn yêu thương”, “thèm khát yêu thương”). Việc diễn tả thế giới tâm hổn, cảm xúc tạo nên đặc trưng trữ tình của tuỳ bút.  Giáo viên kết luận  **Nội dung 3: *Dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động tới người đọc:***  GV giao nhiệm vụ cho HS  - Tác giả đã triển khai bài tuỳ bút theo mạch chủ đề về mùa xuân bắt đầu từ “ai cũng chuộng mùa xuân’’ như thế nào?  - Trong đoạn trích, khi nói về mùa xuân, tác giả dùng các cụm từ như *mùa xuân của tôi, mùa xuân thân thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu*. Cách viết này cho em hiểu điều gì về cuộc sống và tình cảm riêng của người viết?  Một số **HS** trình bày về bài làm của mình khi được **GV** chỉ định. Các **HS** khác thực hiện nhiệm vụ. **GV** điều hành phần trình bày, đặt thêm câu hỏi để làm rõ sự giống và khác nhau trong mỗi bài.  **GV** nhận xét sơ lược về sự giống nhau và khác nhau trong bài làm của cả lớp; có thể chọn một vài HS báo cáo/ giải thích kết quả bài làm (dựa vào những gì các em đã nộp để chọn HS theo ý đồ); yêu cầu **HS** thảo luận các nội dung sau đây:  - Những câu văn nào giống như lời nói thường, như là nhà văn đang chuyện trò với ai đó?  - Những câu có chứa lời hô gọi làm cho người đọc có ấn tượng như thế nào?  - Khoảng cách người viết và người đọc sẽ thế nào khi tác giả viết những câu như vậy?...  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs.  **Nhiệm vụ 3: *Khái quát ý nghĩa / giá trị của văn bản.***  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản ?  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **HS** cáo kết quả, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  Vũ Bằng (1913-1984) sinh ra ở Hà Nội, có sở trường về truyện ngắn, tuỳ bút, bút kí.  - Tuỳ bút Vũ Bằng giàu chất trữ tình và chất thơ.  - Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: Miếng ngon Hà Nội (1960), Món lạ miền Nam (1969), Thương nhớ Mười Hai (1972),.„  **2. Tác phẩm**  **a, Thể loại**  *b,Hoàn cảnh sáng tác / xuất xứ*  *Thương nhớ Mười Hai* được viết trong thời gian Vũ Bằng sống ở miền Nam, xa cách quê hương miền Bẳc… *Thương nhớ Mười Hai có* 13 bài tuỳ bút, góm 12 bài viết về các tháng trong năm và 1 bài vé Tết.  *c, Vị trí đoạn trích*  Bài *Tháng Giêng, mơ vể trăng non rét ngọt* là bài đầu tiên của tập tuỳ bút.  d, Đề tài  **II. Khám phá văn bản**  ***1*** ***, Không gian thiên nhiên và không gian gia đình trước mùa xuân:***  - Không gian Hà Nội vào mùa xuân khoảng đầu tháng Giêng  - Không gian Hà Nội vào mùa xuân khoảng sau rằm tháng Giêng*.*  Đặc biệt, khung cảnh đêm trăng tháng Giêng trong cái rét ngọt đầu năm  - Không gian mùa xuân: đẹp, thanh bình, mang những nét đặc trưng của miền Bắc.  - Không gian gia đình ấm cúng, sum vầy, chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau tết  - Tác giả diễn tả những cảm giác vô hình, khó nắm bắt bằng những hình ảnh cụ thể, giàu sức gợi; bằng những so sánh dễ hình dung; bằng cách nói mới lạ, thú vị,...  ***2. Sức sống của thiên nhiên, con người trước mùa xuân:***  - Sức sống của thiên nhiên  - Sức sống của con người  - Mùa xuân gợi sức sống mãnh liệt cho thiên nhiên và gợi niềm yêu cuộc sống, hướng con người đến những giá trị tinh thần tốt đẹp, truyền thống.  -  ***3. Dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động tới người đọc:***  - Đầu tiên, tác giả khẳng định: “ai cũng chuộng mùa xuân’’  - Từ chủ đề này, tác giả đi tìm kiếm “lí lẽ” và “dẫn chứng” để chứng minh lời khẳng định trên.  **- Cuộc sống:** tác giả xa quê hương mùa xuân quê hương rất ý nghĩa với riêng người viết (đem đến những đổi thay kì diệu);  - Cách viết “mùa xuân của Hà Nội thân yêu” cho thấy sự gắn bó sâu nặng và nỗi nhớ, tình yêu của tác giả - người con xa quê - với quê nhà.  - Hình bóng cái tôi tác giả được thể hiện khá rõ trong bài tuỳ bút này.  - Từ đó khơi gợi tình cảm, sự gần gũi, đồng cảm của người đọc |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**Mục tiêu:**HS có được những hiểu biết cơ bản về tác phẩm

***GV nêu yêu cầu***: *Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) néu cảm nhân vé cảnh sắc và không khí mùa xuân ở quê hương em.*

 + GV nhấn mạnh vào thông điệp và ý nghĩa của tác phẩm.

**HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG**

**Mục tiêu:**HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng  đã học để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn theo yêu cầu của GV

**GV** giao nhiệm vụ cho HS: ***Sưu tầm những câu thơ, bài văn viết về mùa xuân (khuyến khích làm thành video hoặc bộ sưu tập hình ảnh về mùa xuân)***

**HS** thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(DẤU CÂU, BIỆN PHÁP TU TỪ)**

**Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

***GV cho HS nghe bài hát: “Cuộc sống mến yêu”, sau đó tìm biện pháp so sánh, nhân hoá.***

***? Tìm ít nhất một câu văn có sử dụng so sánh và một câu văn có sử dụng nhân hoá có trong bài hát?***

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**\* Báo cáo kết quả:** HS phát hiện câu hát có điệp ngữ, nhân hóa, nêu tác dụng.

**Dự kiến sản phẩm:**

**\*Câu văn nhân hoá:** Này chú chim non nho nhỏ.

**\*Câu văn so sánh:** Cất tiếng hát líu lo như muốn ngỏ.

**\* Đánh giá kết quả**

GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG** |
| **Nhiệm vụ 1 : Ôn tập kiến thức**  **a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, các chức năng của văn bản  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* *Chuyển giao nhiệm vụ***  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Từ kiến thức đã học, ví dụ vừa phân tích, em hãy nhắc lại tác dụng của dấu gạch ngang ?  + Hs lấy ví dụ về biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa điệp ngữ, nêu tác dụng.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* *Thực hiện nhiệm vụ***  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **\* *Báo cáo kết quả***  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* *Đánh giá kết quả***  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Gv lấy thêm ví dụ:  + Tôi vẫn luôn giữ trong tim hình bóng quê hương – nơi chôn rau cắt rốn.  + Tôi muốn tắt nắng đi  Cho màu đừng nhạt mất  Tôi muốn buộc gió lại  Cho hương đừng bay đi.  \* GV chia lớp làm 3 nhóm điền phiếu:Nối cột A (Tên biện pháp tu từ và cột B(Khái niệm) sao cho phù hợp. | **I. Ôn tập kiến thức**  - Dấu gạch ngang thường được đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói của nhân vật hoặc để liệt kê; đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong cầu; nối các từ trong một liên danh.  - Biện pháp tu từ được nói đến trong các bài tập là so sánh, nhân hoá, điệp ngữ…   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CỘT A** | **NỐI** | **CỘT B** | | 1.So sánh | 1-b | a.Là lặp lại từ ngữ để nhấn mạnh, khẳng định, liệt kê | | 2.Nhân hoá | 2-c | b.Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt | | 3.Điệp ngữ | 3-a | c.Gắn cho đồ vật, cầy cối, con vật,... những đặc điểm, thuộc tính của người, nhằm làm cho đối tượng được miêu tả gần gũi, sinh động | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG** |
| **NV1: GV tổ chức cho cá nhân HS hoàn thành bài tập 1**  **HS làm bài cá nhân**  **GV tổ chức HS làm bài cặp đôi.**  Phiếu học tập   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu văn** | **Biện pháp so sánh** | **Điểm tương đồng giữa các đối tượng so sánh** | **Ý nghĩa của sự tương đồng** | | *a.Tôi yêu sông xanh, núi tím: tôi yêu đôi mày ai như trăng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ. nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vi thế.* |  |  |  | | *b.Cuối tháng Giêng có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc, chỉ chừng mười giờ tối thì trăng mọc cao lên đỉnh đầu.* |  |  |  |   ***Nhiệm vụ 3:***  ***\* GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành bài 3***  - GV chia lớp thành 4 nhóm  + Nhóm 1: câu 3a  + Nhóm 2: câu 3b  + Nhóm 3: Bài 4  + Nhóm 4: bài 4  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận  - GV quan sát, gợi mở  ***\* Báo cáo kết quả***  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  ***\* Đánh giá kết quả***  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bài 5**.***Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn sau và cho biết cách so sánh trong câu này có gì khác so với cách so sánh trong những câu văn ở bài tập 2 (THẢO LUẬN NHÓM BÀN)*** | **Bài 1:**  1. Hai dấu gạch ngang (câu a) và phần sau dấu gạch ngang (câu b) đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích  2- Nếu bỏ các cụm từ tách ra từ dấu gạch ngang thì ý nghĩa của câu sẽ không đầy đủ.  **Bài 2:**  Cặp so sánh *đôi mày ai - trăng mới in ngần* chỉ sự thanh tần, tươi trẻ, dịu dàng; *trời sáng lung linh - ngọc* chỉ vẻ đẹp của ánh sáng trong, thanh khiết, có sắc màu ảo diệu. Chính sự tương đổng này sẽ tạo ra hiệu quả thẩm mĩ cho câu văn. Ở đây, nhà văn bộc lộ tài năng sáng tạo qua việc tạo ra những liên tưởng bất ngờ, kết nối những sự vật tưởng như rất khác nhau.  **Bài 3,4 :**  a,b.Những cụm từ chứa biện pháp tu từ nhân hoá trong hai cầu văn :*đôi mùa giao tiễn nhau, đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động, vài con ong siêng năng.* Biện pháp tu từ nhân hoá thể hiện những rung động của nhà văn lan toả vào cảnh vật, thiên nhiên phóng chiếu nội tâm con người.  c.Biện pháp tu từ điệp ngữ ở những cụm từ in đậm và ở những cụm từ khác như “đừng thương”,  - Tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ:  + Tao nhịp điệu câu văn  + Trong việc tạo cảm xúc cho người đọc: Nhấn mạnh tình yêu mùa xuân tha thiết của tác giả và khẳng định tình yêu mùa xuân luôn là tình cảm không thể thiếu trong mỗi người  **Bài 5:**  - Đây là biện pháp so sánh tầng bậc. Vế một là một cảm giác: *nhựa sống ở trong người căng lên* (hoàn toàn trừu tượng). Vế hai là hai hiện tượng: *máu cũng căng lên trong lộc của loài nai* (cũng trừu tượng nhưng còn có hình ảnh *lộc nai* để hình dung), mầm non của cầy cối *trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti* (dễ hình dung).  - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong cầu này: Gợi lên sự tươi trẻ và nhiệt huyết và tình yêu tha thiết trong tâm hồn tác giả và những người yêu mùa xuân.  - Sự khác nhau : cách so sánh 1 - 1 ở bài tập 2 là so sánh giữa hai sự vật , chỉ có một vế so sánh. ở bài tập này là cách so sánh tầng bậc: Bài tập này có nhiều vế so sánh, làm cho đối tượng được so sánh hiện lên đa dạng, phong phú, sâu sắc hơn. |

**\*Bài tập bổ sung:** GV cho HS chơi trò chơi **“ Thu hoạch cà rốt”**

**Trò chơi gồm 4 câu hỏi**

**Hình thức:** Cả lớp cùng tham gia giúp bạn Thỏ thu hoạch cà rốt và có bữa ăn no bằng cách trả lời các câu hỏi:

**Câu 1. *Dấu gạch gang trong câu sau có tác dụng gì ?***

**Tuyến đường Hà Nội- Hải Phòng là tuyến đường giao thông quan trọng của cả nước.**

A. Nối các từ trong một liên danh (X)

B. Liệt kê

C. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích

**Câu 2.*Dấu gạch gang trong câu sau có tác dụng gì ?***

**Hà-Lớp trưởng 7A học rất giỏi**

A. Nối các từ trong một liên danh

B. Liệt kê

C. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích(X)

**Câu 3. *Câu văn sau sử dụng biện pháp tu từ gì ?***

**Bàng non khúc khích cười đùa với gió**

A.So sánh B. Nhân hoá(X)

C.Điệp ngữ D. Ẩn dụ

**Câu 4.** Có bạn cho rằng trong câu: **“Cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ”** là sử dụng so sánh. Theo em đúng hay sai?

1. Đúng (X) B. Sai

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:**

+ Câu văn có sử dụng dấu gạch ngang - chỉ ra tác dụng

+Viết đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa hoặc điệp ngữ

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

+ Câu văn có sử dụng dấu gạch ngang - chỉ ra tác dụng

+Viết đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa hoặc điệp ngữ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và Hoàn thành bài tập

**B3: Báo cáo kết quả**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm (trả lời ngắn nếu còn thời gian, viết đoạn văn rồi đăng lên Padlet , zalo...

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Đánh giá kết quả**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

+ Đọc và soan nội dung văn bản “Chuyện cơm hến”

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS đọc lướt, đọc theo thẻ văn bản “Chuyện cơm hến

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ**

- Hoàn thiện các BT vào vở cẩn thận.

- Chuẩn bị bài đọc: “Chuyện cơm hến”: Đọc kĩ văn bản, trả lời các câu hỏi trong thẻ chỉ dẫn, câu hỏi phần sau khi đọc.

**Văn bản 2:**

**CHUYỆN CƠM HẾN**

**Hoàng Phủ Ngọc Tường**

**(2 tiết)**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

**Mục tiêu:** Định hướng học sinh vào nội dung bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| - HS trao đổi nhóm về từng nội dung được nêu trong SHS:  1. Hiểu biết về những nét riêng trong phong cách ẩm thực ở những nơi mà mình biết;  2. Nói về một món ăn đặc sản ở quê mình.  - GV có thể cho HS xem một đoạn phim ngắn hoặc một đoạn vi-lốc giới thiệu món ăn, cách chế biến món ăn mang đậm nét văn hoá địa phương (hiện nay trên in-tơ-nét, những vi-lốc dạng này rất được yêu thích). Từ đó, GV gợi ý - HS kể tên, giới thiệu món ăn đặc sản quê mình.  **-** HS thực hiện cá nhân, huy động kiến thức từ hoạt động ở tiết học trước.  **-** HS trả lời  **-** GV dẫn vào bài mới, HS tiếp nhận thông tin bài học. | 1. Hiểu biết về những nét riêng trong phong cách ẩm thực ở những nơi mà mình biết;  2. Nói về một món ăn đặc sản ở quê mình. |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Mục tiêu**: Giúp học sinh nêu được những nét chính về tác giả Hoàng Phủ Ngọc , tác phẩm…

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Gv:** Yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa và trả lời câu hỏi  - Những hiểu biết của emvề tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường  GV hướng dẫn học sinh đọc và tìm thông tin  HS quan sát sách giáo khoa  - GV yêu cầu HS trả lời  - HS trả lời câu hỏi của GV  **-GV:** Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình | **I, Tìm hiểu chung**  **1, Tác giả**  - Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937 quê Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế  - Sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp của đất nước, con người trên khắp mọi miền tổ quốc đặc biệt là Huế  - Một số tác phẩm chính: Ai đã dặt tên cho dòng sông, Huế- Di tích và con người,... |

|  |  |
| --- | --- |
| - Văn bản “Chuyện cơm hến” thuộc thể loại gì?  Dựa vào đâu mà em nhận ra điều đó? |  |
| - Phương thức biểu đạt? |  |
| - Bố cục? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ bằng phiếu học tập | **2, Văn bản**  a, Thể loại:- Văn bản thuộc thể loại tản văn vì nó có lối viết tạt ngang tạt dọc (giống như đang nói chuyện phiếm). Trong văn bản nói về món cơm hến trong cuộc sống đời thường của người Huế từ đó nhà văn liên tưởng đến nhiều chuyện khác qua đó bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân mình  b, Bố cục 2 phần: Phần 1: Nét riêng trong khẩu vị của người Huế  Phần 2: Đặc điểm của cơm hến và ý nghĩa của nó |

**II, Khám phá văn bản**

**Mục tiêu: Giúp HS:**

Tìm được những chi tiết nói về những nét riêng trong khẩu vị của người Huế

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **PHT số 2**   |  |  | | --- | --- | | Tìm những chi tiết thể hiện đặc điểm khẩu vị của người Huế |  | | - Tác giả là người vùng nào? Chi tiết nào cho thấy điều đó? |  |   - Học sinh trình bày  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của nhóm  - Chốt kiến thức trên mà hình chuyển dẫn sang mục sau | 1. ***Nét riêng trong khẩu vị của người Huế***   - Thích thú với 2 vị mà thiên hạ đều sợ đó là đắng và cay  + Thích dùng mướp đắng, đắng một cách tuyệt vời  + Thích ăn cay: cay sướng miệng, cay xè lưỡi  - Tác giả là người Huế vì thích ăn cay |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phát phiếu học tập số 3   |  |  | | --- | --- | | - Nguyên liệu làm cơm hến |  | | - Món cơm hến cho thấy đặc điểm gì trong phong cách ăn uống của người Huế |  | | - Chuyện cơm hến có phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu món ăn không? Tác giả bàn tới những điều gì xung quang món cơm hến |  | | - Theo em tại sao tác giả lại cho rằng (một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa) |  | | - Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa gợi cho em suy nghĩ gì? |  |   - GV hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập  GV yêu cầu HS trả lời  HS: đại diện nhóm trình bày  Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của nhóm  - Chốt kiến thức trên màn hình chuyển dẫn sang nhiệm vụ sau | ***2. Đặc điểm của cơm hến và ý nghĩa***  - Nguyên liệu:  - Cách thưởng thức món cơm hến của người Huế:  - Văn bản cung cấp  + Phong cánh ẩm thực của người Huế |
| Tìm những từ ngữ cho thấy lời văn của bài tản văn giống như lời tác giả đang trò chuyện với bạn đọc? Em cảm nhânh như thế nào về cái tôi của tác giả trong truyện?  GV sử dụng phương pháp thảo luận cặp đôi  HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ  HS trình bày theo dõi nhận xét và bổ sung  GV yêu cầu HS trả lời  Các cặp trình bày, nhận xét | - Ngôn ngữ có tính khẩu ngữ  - Sử dụng nhiều từ ngữ địa phương  - Cái tôi của tác giả khiến bài tản văn khác với các thể loại văn xuôi khác: Nhà văn là người nhạy cảm cảm nhận được những nét đẹp đời thường thể hiện ở việc ông nhận ra vẻ đẹp ẩn trong gánh cơm hến và người bán cơm hết |

|  |  |
| --- | --- |
| Nêu cách sử dụng từ ngữ trong văn bản  Nội dung chính của văn bản  HS suy nghĩ cá nhân 2 phút và ghi ra giấy  GV hương dẫn theo dõi, quan sát HS (nếu HS gặp khó khăn)  HS báo cáo kết quả, HS khác theo dõi và nhận xét, bổ sung cho bạn  GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo  Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS | **\* Ý nghĩa của văn bản**  -Tâm hồn tinh tế nhạy cảm của một cây bút tài hoa  - Truyền cho người đọc tình yêu, lòng tự hào về nền văn hóa ẩm thực Huế. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

Mục tiêu: HS có được những hiểu biết cơ bản về tác phẩm

 GV nêu yêu cầu: Viết doạn văn (khoảng 5-7 câu) về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hóa nới em đang sống?

**HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG**

 Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng  đã học để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn theo yêu cầu của GV

* Sưu tầm những câu tục ngữ, ca dao nói về những sản vật của quê hương Hà Nam.

 HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

**Hoạt động 1 : KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG** |
| **a. Mục tiêu**: HS Xác định được từ ngữ địa phương dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.  **b. Nội dung**:  **GV** tổ chức cho học sinh chơi trò chơi Ai thông minh hơn.  **HS** chú ý vào từ in đậm và trả lời các câu hỏi.  **GV** kết nối với nội dung của phần thực hành Tiếng Việt  Gv chiếu bài thơ “ Tiếng nghệ”, in đậm những từ ngữ địa phương trong bài thơ và hỏi hs:  : *Em đã bao giờ nghe những từ này chưa? Em có biết nghĩa của những từ này không?*  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.  **d. Tổ chức thực hiện**:  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Cả lớp là những người chơi  - Tổ chức trò chơi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát những từ ngữ in đậm trong bài thơ “ Tiếng nghệ” và suy nghĩ cá nhân để dự đoán câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả**  **GV** chỉ định HS trả lời câu hỏi.  **HS** trả lời câu hỏi của trò chơi.  **B4: Đánh giá kết quả**  - Chốt đáp án và công bố người giành chiến thắng.  - Kết nối vào nội dung Tiếng Việt. | HS chỉ ra các từ toàn dân tương ứng với từ ngữ địa phương trong “Tiếng Nghệ”. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG** |
| **a. Mục tiêu**: HS nắm được đặc điểm của từ ngữ địa phương và cách sử dụng từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học  **b. Nội dung**:  GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “ Ong tìm mật” để rút ra đặc điểm và cách sử dụng từ ngữ địa phương.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và nội dung rút ra của Gv  **d. Tổ chức thực hiện**:  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia lớp làm 4 đội chơi, mỗi đội chơi sẽ trả lời một câu hỏi trong hành trình tìm mật  - Tổ chức trò chơi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát hình ảnh và lựa chọn bông hoa để trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả**  **GV** chỉ định đội trả lời câu hỏi.  Các đội trả lời câu hỏi của trò chơi.  **B4: Đánh giá kết quả**  - Chốt đáp án và công bố đội giành chiến thắng.  - Chốt nội dung Tiếng Việt. | **1. Ôn tập lí thuyết**  - Mỗi vùng miền có một số từ ngữ riêng biệt, thường gọi là từ ngữ địa phương. Những từ ngữ đó phát sinh từ những nét riêng về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lí và phong tục tập quán của cư dân địa phương. Từ ngữ địa phương thể hiện sự đa dạng trong ngôn ngữ của một cộng đồng.  - Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương thường chỉ được dùng ở một vùng, miền nhất định.  - Trong tác phẩm văn học, từ ngữ địa phương có thể được dùng nhằm tạo sắc thái địa phương cho sự việc, nhân vật hoặc được dùng như một phương tiện tu từ. Trong văn bản khoa học, hành chính… không được dùng từ ngữ địa phương. Trong giao tiếp thông thường chỉ nên dùng từ ngữ địa phương khi trò chuyện thân mật với người nói cùng phương ngữ với mình. |

**Hoạt động 3: VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của từng bài tập.  - Từ nội dung bài tập, hãy nhắc lại tri thức tiếng Việt.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Xác định yêu cầu của từng bài tập và làm việc cá nhân ở bài 1,2,3; làm việc nhóm ở bài tập 4.  **GV** theo dõi, hướng dẫn và hỗ trợ HS làm bài tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm cá nhân & hướng dẫn các em cách trình bày (nếu cần).  **HS** chữa bài tập, Hs khác nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm của HS.  - Chốt đáp án của bài tập 1,2,3,4 lên bảng/ màn hình. | **Bài tập 1**:Tìm từ ngữ địa phương trong câu văn và giải thích   * Từ ngữ địa phương: *thẫu, vịm, trẹc,* o * Vì nó chỉ được sử dụng ở một vùng miền nhất định( miền Trung- Huế) * Các từ ngữ toàn dân tương ứng: thố, liễn, mẹt, cô   **Bài tập 2*:*** Liệt kê một số từ ngữ địa phương được sử dụng trong văn bản *Chuyện cơm hến.* Những từ ngữ đó có nghĩa tương đương với từ ngữ ở địa phương em và từ ngữ toàn dân.   |  |  | | --- | --- | | Từ ngữ địa phương | Từ ngữ toàn dân tương ứng | | Thẫu | Thố | | Vịm | Liễn | | Trẹc | Mẹt | | o | cô | | Đậu phộng | Lạc | | mè | Vừng | | Trụng | nhúng | | duông | Đưa xuống | | Xắt | Cắt | | Lạt | Nhạt |   **Bài tập 3*:*** Cho biết tác dụng của việc dùng từ ngữ địa phương của Huế trong *Chuyện cơm hến.*  Trong *Chuyện cơm hến,* nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường sử dụng từ ngữ địa phương nhằm khắc hoạ không khí, sắc thái riêng của Huế, miêu tả lối nói riêng của người Huế. Tính chất địa phương của bài tản văn góp phần tạo ấn tượng sầu đậm về Huế và văn hoá Huế. Nói về không gian văn hoá Huế bằng một số từ ngữ Huế thì sẽ nêu bật được sắc màu của Huế.  **Bài tập 4**: Một số từ ngữ địa phương chỉ sự vật ở các vùng miền mà em biết:  **Gv cho hs chơi trò chơi truyền điện**   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ địa phương** | **Từ ngữ toàn dân tương đương** | | Muỗng | Thìa | | Đọi | Bát | | thơm | Dứa | | Chạc | Lạt | | ô | Dù | | Nác | Nước | | Chà bông | Ruốc | |

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài học mà HS rút ra khi sử dụng từ ngữ địa phương

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Nếu trong lần nào đó em đi du lịch, gặp một người ở vùng khác nói rất nhiều tiếng địa phương gây cho em sự khó hiểu, em sẽ làm gì ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.

**HS** đọc, xác định yêu cầu của tình huống

**B3: Báo cáo kết quả**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm (trả lời ngắn nếu còn thời gian, viết đoạn văn rồi đăng lên Padlet.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Đánh giá kết quả**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

**Văn bản (3)**

**HỘI LỔNG TỒNG**

**(Trần Quôc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất Từ)**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Hội Lồng Tồng* ”.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Khám phá chung văn bản** | |
| **NV1: Tìm hiểu về tác giả, Văn bản**  Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả)  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  - HS trả lời nhanh.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. | **1. Tìm hiểu chung về văn bản :**  **a.Tác giả:**  **-Trần Quốc Vượng**  **- Lê Văn Hảo**  **- Dương Tất từ**  **2. Văn bản:**  \* Thể loại: Văn bản thông tin  -\*Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh |
| **NV2: Tìm hiểu về chú thích và bố cục văn bản:**  **\*GV yêu cầu HS Giải thích một số từ khó trong SGK**  **\*GV hướng dẫn cách đọc văn bản**: Đọc to, rõ ràng; chú ý đọc đúng lời các bài hát( lượn)  Tìm bố cục , đề tài của văn bản?  1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;  2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.  - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản | **-\* Đọc và tìm hiểu chú thích**  **- Giải thích các từ: Lồng tồng, Việt Bắc, ném còn, hát lượn……..**  **- Đọc văn bản :**  **\* Đề tài**  - Văn hoá truyền thống vùng miền |

**II. Khám phá chi tiết văn bản**

**Mục tiêu:** Nhận biết, lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu miêu tả lễ hội truyền thống Hội Lồng Tồng

**PHIẾU HỌC TẬP 01:**

**NHIỆM VỤ CỦA CÁC NHÓM:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** |
| **Nhiệm vụ** |  |  |  |
| *1Lễ hội tổ chức vào thời gian nào? , địa điểm tổ chức, vùng miền tổ chức* | ............................... | ..................... | .......................... |
| *2) Phần cúng tế -lễ* | .................................. | ....................... | ............................. |
| *3) Phần vui chơi- hội* | ................................ | ...................... | ........................... |

**PHIẾU HỌC TẬP 02:**

**NHIỆM VỤ CỦA CÁC NHÓM:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** |
| **Nhiệm vụ** | **TRò chơi ném còn** | **Trò chơi múa sư tử** | **Hoạt động hát- lượn** |
| *Các trò chơi, hoạt động diễn ra như thê nào* | ............................... | ..................... | .......................... |
| *2)Những hoạt động đó thể hiện những khả năng nào của con người* | .................................. | ....................... | ............................. |
| *3)Người dân gửi gắm mong ước gì khi tổ chức lễ hội?* | ................................ | ...................... | ........................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Khám phá chi tiết văn bản** | |
| **Thao tác 1: Giới thiệu khái quát về lễ hội Lồng Tồng**  - GV yêu cầu HS quan sát toàn bộ VB, lần lượt thực hiện các yêu cầu sau:  *1) Tìm những câu văn giới thiệu về lễ hội?*  GV chia lớp thành 03 nhóm, HS thảo luận, hoàn thành vào **Phiếu HT số 01**:  *1) Lễ hội tổ chức vào thời gian nào? , địa điểm tổ chức, vùng miền tổ chức*  *2) Phần cúng tế -lễ*  *3) Phần vui chơi- hội*  HS làm việc theo nhóm theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu.  - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **1/Giới thiệu khái quát về lễ hội Lồng Tồng**  - Hội lồng tồng được tổ chức ở vùng Việt Bắc từ sau Tết Nguyên đán đến Tết Thanh minh  -Tiếp đó là phần hội với các hoạt động …….. |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu mục đích của việc mở lễ hội và tục thờ thần nông của người Tày, Nùng**  - Trình bày ý nghĩa của việc mở lễ hội?  - Sản vật cúng lễ có liên quạn gì tới tục xuống đồng và tục thờ thành hoàng?  Làm việc cá nhân, kĩ thuật viết tích cực  - GV nhận xét  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2;  **Thao tác 3:Tìm hiểu các hoạt động của lễ hội**  GV chia lớp thành 03 nhóm, HS thảo luận, hoàn thành vào **Phiếu HT số 02**:  *1/ Các trò chơi, hoạt động diễn ra như thê nào*  *2)Những hoạt động đó thể hiện những khả năng nào của con người*  *3/ Người dân gửi gắm mong ước gì khi tổ chức lễ hội ?*  - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  ?Lượn, tiếng nói tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời Việt Bắc.  Em cảm nhận như thế nào về thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên?  - Trong câu văn “Lượn, tiếng nói tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời Việt Bắc” người viết đã thể hiện thái độ tôn trọng, trân trọng đối với nét văn hóa của vùng Việt Bắc, của đồng bào Tày – Nùng. Đồng thời, tác giả cũng cho rằng đây là nét văn hóa đáng quý, là bản sắc của người dân cần được giữ gìn và phát huy. | **2. Mục đích của việc mở lễ hội và tục thờ thần nông của người Tày , Nùng**  - Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng có liên quan tới tục mở hội xuống đồng và tục thờ thành hoàng – thần nông là:  + Lồng tồng tiếng Tày – Nùng có nghĩa là xuống đồng.  + Thần thành hoàng làng của đồng bào Tày – Nùng là Thần Nông.  + Đình thành hoàng thờ những nhân vật ngày xưa đã có công khai phá ruộng nương, xây dựng và bảo vệ bản mường.  => Do đó các vật phẩm cúng tế sẽ là các sản phẩm được sản xuất từ hoạt động sản xuất nông nghiệp như: thịt gà, thịt lợn, các loại bánh, các loại rượu…  **3. Những hoạt động của cư dân trong phần hội Lồng Tồng**  - Những hoạt động nào cư dân trong phần hội miêu tả trong phần hội là: thi ném còn, thi múa sư tử, lượn lồng tồng…  -Những hoạt động đó biểu thị con người có phẩm chất và khả năng: sáng tạo, đoàn kết để trở thành một cộng đồng vững mạnh.  - Thông qua tổ chức lễ hội lồng tồng người dân gửi gắm mong ước sẽ có mùa màng bội thu, dân làng được bình an, may mắn, tốt lành. |

**Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS rút ra ý nghĩa văn bản**

**Mục tiêu:** Giúp HS khái quát ý nghĩa của văn bản

- HS rút ra ý nghĩa văn bản theo cảm nhận riêng

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**Mục tiêu**: Củng cố kiến thức trong bài học,

Viết đoạn văn 5- 7 câu trình bầy cảm nhận của em về vẻ đẹp lễ hội Lông Tồng của người dân tộc Tày, Nùng mà em vừa được học

- Kĩ thuật : viết tích cực

* HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 03 phút.

GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

- HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

GV: Hãy trình bầy ngắn gọn một lễ hội ở quê em , hoặc ở địa phương kacs mà em có dịp tham gia, hoặc em biết? Em có cảm nhận gì vè lễ hội đó?

GV sử dụng kỹ thuật “Viết tích cực”, kĩ thuật công não; HS làm việc cá nhân

* HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút.

- HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

**VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a.Mục tiêu**

- Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập, kết nối hiểu biết của học sinh với những bài học trước.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG/SẢN PHẨM** |
| **b. Nội dung** : Học sinh có thể kể lại ngắn gọn một tình huống trong cuộc sống của mình hay đã gặp.  **c. Sản phẩm :** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  GV: Nêu một số tình huống cần viết văn bản tường trình  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  HS chia sẻ trải nghiệm | HS liệt kê các văn bản tường trình thông dụng trong cuộc sống. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: giúp học sinh hình thành kiến thức kĩ năng để viết văn bản tường trình đúng thể thức.

**b.Nội dung**: Tìm hiểu cách thức viết văn bản tường trình

**c. Sản phẩm:**

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV yêu cầu HS trình bày phiếu học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt |
| **1.Những lưu ý khi viết văn bản tường trình** | |
| Yêu cầu học sinh trình bầy nội dung đã chuẩn bị theo phiếu học tập.  HS làm việc cặp đôi và trả lời câu hỏi. Theo em thì trong những hoàn cảnh hay tình huống nào người ta cần sử dụng văn bản tường trình? Việc viết tường trình nhằm mục đích gì? EM đã bao giờ viết tường trình chưa ?  GV nhận xét và dẫn dắt vào bài . | - Hs trình bày  - Sản phẩm: Phiếu học tập có phần trả lời các câu hỏi.  - Bản tường trình là loại văn bản được sử dụng khi có một sự việc gây hậu qủa xấu xảy ra  - Mục đích của văn bản này là để trình bầy một cách rõ ràng sự việc diễn ra trong đó nêu được mức độ trách nhiệm của mình |
| **2. Phân tích bài viết tham khảo**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV yêu cầu hs làm việc theo nhóm qua phiếu học tập đer phân tíc bài viết tham khảo  Dựa vào phiếu học tập GV yêu cầu HS phân tích câu hỏi trong sách giáo khoa  - Nêu nhậ xét về việc tuân thủ thể thức văn bản tường trình trong văn bản trên.  -Vì sao bản tường trình có tên gọi và phải ghi đầy dủ thời gian,địa điểm, người viết tường trình.  - Khi viết tường trình nội dung nào cần ghi cụ thể, chi tiết.  \* Thực hiện nhiệm vụ  \* Báo cáo kết quả  GV Qua việc phân tích bản tường trình tham khảo nêu thể thức của bản tường trình.  GV Yêu cầu học sinh đọc thể thức của bản tường trình trong sách giáo khoa trang 120. | - HS làm việc theo nhóm trao đổi và trình bầy.  - Sản phẩm phiếu học tập đã hoàn thành  - HS trao đổi trình bầy kết quả  - Sản phẩm  + Văn bản đã tuân thủ thể thức của một văn bản tường trình.  + Tường trình phải có tên gọi và ghi đủ thời gian địa diểm,người viết tường trình vì đây là bằng chứng để đánh giá một vụ việc.  + Diễn biến của vụ việc cần được ghi lại chi tiết.  - Sản phẩm thể thức của tường trình trong SGK trang 120 |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Hs viết được bản tường trình của một vụ việc xảy ra với mình hoặc được chứng kiến.  **b.Nội dung**: HS trả lời và câu hỏi và thực hiện các bước của quy trình viết.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d.Tổ chức thực hiện** | |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt |
| **1.Trước khi viết** | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**: GV giao nhiệm vụ cho hs: Viết bản tường trình về vi phạm nội quy của lớp học hay vi phạm nội quy của nhà trường.  a.Xác định mục đích viết và người đọc  - GV yêu cầu hs làm việc cá nhân xác định mục đích viết và người đọc trước khi viết tường trình xảy ra với chính mình hoặc chứng kiến.  **\* Thực hiện nhiệm vụ** : Hoc sinh suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo kết quả :**  b.Lựa chọn nội dung để viết tường trình  - GV yêu cầu HS hình dung lại sự việc đã xảy ra để ghi lại tường trình  GV phỏng vấn 5 đến 7 học sinh về tên gọi của tường trình  **\* Đánh giá kết quả:**  GV mời một số hs khác góp ý và Gv góp ý cho tên tường trình | -HS suy nghĩ trả lời  -Sản phẩm:  + Mục đích viết là ghi chép trung thực nội dung diễn biến của sự việc nhằm xây dựng hồ sơtin cậy về một vụ việc nào đó.  + Người đọc: Tất cả những người liên quan đến sự việc,những cơ quan cá nhân có lên quan muốn nắm bắt thông tin về vụ việc đã xảy ra.  -HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ  -Sản phẩm:Tên bản tường trình mà học sinh chuẩn bị viết. |
| **2.Viết tường trình** | |
| \* Chuyển giao nhiệm vụ:GV Yêu cầu Hs làm việc cá nhân đọc sách giáo khoa và nêu một vài điểm cấn lưu ý khi viết tường trình.  \* Thực hiện nhiệm vụ Hs suy nghĩ trả lời  \*Báo cáo kết quả  -GV nhắc lại những yêu cầu,lưu ý khi viết tường trình.  -GV yêu cầu học sinh viết tường trình. | -Học sinh đọc SGK,suy nghĩ và trình bầy.  - HS viết tường trình |
| **3.Chỉnh sửa biên bản** | |
| Gv yêu cầu hs chỉnh sửa tường trình theo cặp(chỉnh sửa lẫn nhau)dựa trên gợi ý chỉnh sửa SGK trang 123 | - HS đọc bảng gợi ý chỉnh sửa tường trình  - HS dùng bút màu để đánh dấu và chỉnh sửa tường trình của mình và của bạn.  - HS trình bày kết quả chỉnh sửa tường trình. |

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được tình huống nào cần làm tường trình, biết vận dụng vào tình huống thực tiễn.

**b.Nội dung**: trình bày một bản tường trình đúng thể thức

**c. Sản phẩm :** Bài viết của HS

**c. Tổ chức thực hiện :**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa bài viết. Tiến hành trình bày trước lớp

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

HS về nhà viết bản tường trình.

**\* Báo cáo kết quả**

**\* Đánh giá kết quả**

GV nhận xét, đánh giá.

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG**

**TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI (2 tiết)**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b. Nội dung:**

**GV:**

**-** Chiếu bức tranh dân gian Đông Hồ “Thầy đồ Cóc”, bức tranh về các sản phẩm thủ công truyền thống mây tre đan

- Yêu cầu HS quan sát hai bức tranh và đặt câu hỏi.

**HS** quan sát bức tranh, suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.



Tranh dân gian “Thầy đồ cóc” Làng mây tre đan truyền thống

**c. Sản phẩm:**

- Bức tranh một mô tả sinh động khung cảnh một lớp học thời xưa -> Qua bức tranh thấy hiện lên một lối giáo dục trong truyền thống mà ngày nay đã trở nên lạc hậu, phải loại bỏ: giáo dục bằng roi vọt!

- Bức tranh hai mô tả các sản phẩm thủ công truyền thống được đan từ mây tre

-> Qua bức tranh thấy hiện lên một làng nghề truyền thống mà ngày nay vẫn được lưu giữ ở nhiều địa phương, nhiều làng nghề trên khắp cả nước.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV chiếu hai bức tranh và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của mỗi bức tranh?

? Trong bức tranh thứ nhất, em thấy một lối giáo dục gì trong truyền thống mà ngày nay đã trở nên lạc hậu, phải loại bỏ?

? Trong bức tranh thứ hai, em thấy nghề thuyền thống mây tre đan có còn tồn tại trong xã hội ta ngày nay không?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** quan sát hai bức tranh và suy nghĩ cá nhân.

**GV** chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào các bức tranh (nếu có).

**B3: Báo cáo kết quả**

**GV** yêu cầu đại diện một HS trả lời, các em khác nhận xét và bổ sung.

**HS** đại diện trả lời, các em khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4:Đánh giá kết quả:**GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU CỦA BÀI NÓI TRÌNH BÀY Ý KIẾN**  **VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI** | |
| **a. Mục tiêu:** HS biết yêu cầu trình bày ý kiến bảo vệ văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại.  **b. Nội dung:**  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để HS xác định các yêu cầu của bài nói trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại  **HS** thảo luận, bàn bạc, trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Theo em, trong bài nói trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại, người nói nên xưng ở ngôi thứ mấy?  ? Bài nói trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại cần chú ý những yêu cầu nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời, hỗ trợ (nếu cần).  **HS** suy nghĩ, hoạt động cặp đôi, viết câu trả lời ra giấy.  **B3: Báo cáo kết quả**  **GV** yêu cầu HS trả lời  **HS** đại diện một số cặp đôi phát biểu, các em còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần)…  **B4: Đánh giá kết quả**  - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt:  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **1**. **Định nghĩa**:  Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại là nêu lên những suy nghĩ, đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể về vấn đề ấy để làm sáng tỏ cho ý kiến của người viết.  **2. Yêu cầu chung:** Để trình bày ý kiến về một vấn đề, cần:  - Xác định vấn đề định trình bày ý kiến.  - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói: Xác định hệ thống lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục mọi người.  - Thực hành trình bày ý kiến trước lớp.  - Chuẩn bị thêm tranh ảnh, video, thiết bị hỗ trợ nếu cần |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | |
| **Mục tiêu:** HS có kĩ năng tạo lập và trình bày ý kiến về vấn đề bảo vệ văn hóa truyền thống.  **Nội dung:**  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để HS xác định mục đích nói và đối tượng nghe trong bài nói của mình.  **HS** trả lời câu hỏi, chuẩn bị nội dung nói và luyện nói. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nêu mục đích của bài nói.  ? Những người nghe là ai?  ? Không gian nào để trình bày bài nói?  ? Dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  - Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình  - Luyện nói trong nhóm để các bạn trong nhóm nhận xét dựa trên phiếu tiêu chí nói.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời, hỗ trợ (nếu cần).  **HS** suy nghĩ và viết câu trả lời ra giấy.  **B3: Báo cáo kết quả**  **GV** yêu cầu HS trả lời  **HS** trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung…  **B4: Đánh giá kết quả**  - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt: Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **Đề bài:** Nhiều người cho rằng nên giữ gìn và phát huy các làng nghề truyền thống trong xã hội hiện đại. Ý kiến của em về vấn đề trên như thế nào?  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Mục đích: nói về một nét văn hóa truyền thống trong hiện tại, nói với người nghe.  - Người nghe: thầy (cô), bạn bè…  - Không gian: lớp học  - Thời gian: trình bày ý kiến trong khoảng 05 phút  - Lập dàn ý:  **\* Mở bài**:  + Lời chào hỏi mở đầu.  + Nêu vấn đề cần bàn luận.  \* **Thân bài**: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Kết hợp với đạo cụ, ngôn ngữ cơ thể khi trình bày bài nói.  Các lí lẽ, bằng chứng:  + Mỗi vùng miền đều có những làng nghề truyền thống, khiến vùng miền đó không bị trộn lẫn với vùng miền khác (vùng đất Bắc Giang: làng Đa Mai làm bún bánh, làng Kế làm bánh đa, …)  + Nêu các lí lẽ và bằng chứng về lợi ích của làng nghề truyền thống:  ++ Giữ gìn bản sắc  ++ Giải quyết việc làm cho lao động địa phương  ++ Giúp người dân làm giàu  ++ Tạo đòn bẩy phát triển địa phương …  + Đề xuất:  ++ Nên kết hợp phát triển làng nghề truyền thống với du lịch  ++ Nâng cao trình độ tay nghề cho các thợ trẻ  ++ Xử lý môi trường làng nghề để đảm bảo phát triển bền vững  \* **Kết bài:**  + Khẳng định lại ý kiến của em  + Lời kết  **2.** **Luyện tập nói**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. | |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | |
| **a.Mục tiêu:** Kĩ năng phát biểu và phong thái tự tin khi nói  **Nội dung:**  **b. GV** yêu cầu HS nói trước lớp  - Nói theo dàn ý đã được chuẩn bị.  - Các em khác theo dõi, ghi nhận xét ra giấy và cho điểm đối với bài của bạn trên zalo bằng cách kích tim (hoặc biểu quyết bằng tay) sau mỗi lượt nói. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí.  **HS** xem lại dàn ý của HĐ viết.  **B3: Báo cáo kết quả**  **GV:**  - Yêu cầu HS nói, kịp thời hỗ trợ các em (nếu cần).  *- Quay video một vài em và đưa lên Padlet (ở các tiết nói sau, GV quay video lần lượt các thành viên khác).*  **HS:** Đại diệnnói, các em còn lại theo dõi và ghi nhận xét ra giấy.  **B4: Đánh giá kết quả**  - Nhận xét chung về ý thức tham gia HĐ nói của HS và chuyển dẫn sang mục nhận xét HĐ nói. | | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (Trình bày một nét văn hóa truyền thống trong hiện tại).  + Bày tỏ rõ ý kiến, thái độ của mình về vấn đề được nói, có lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu, có giải pháp đề xuất  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SAU KHI NÓI** | |
| **a.Mục tiêu:** Rèn tư duy phân tích, phản biện, vận dụng tiêu chí để đánh giá và tự đánh giá bài nói.  **b. Nội dung:**  **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn dựa trên các tiêu chí nói.  **HS** trình bày bản nhận xét của mình.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | | | **Nhóm**:………. | | | | | **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | | | ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** | | 1. Chọn được nét văn hóa truyền thống hay, có ý nghĩa | Chưa có nét văn hóa truyền thống để trình bày. | Có nét văn hóa truyền thống để trình bày nhưng chưa hay. | Có nét văn hóa truyền thống để trình bày hay và ấn tượng. | | 2. Nội dung nét văn hóa truyền thống phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu nét văn hóa truyền thống. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung nét văn hóa truyền thống. | Nội dung nét văn hóa truyền thống phong phú và hấp dẫn. | | 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. | | 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung trình bày. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. | | 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. | | **TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm** | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1. Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  2. Yêu cầu HS đánh giá các bạn nói theo tiêu chí.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  **HS** quan sát HĐ nói của bạn và ghi nhận xét ra giấy.  **B3: Báo cáo kết quả**  **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **HS** thực hiện HĐ nói trình bày ý kiến của mình trước những ý kiến phản bác (nếu cần)  **B4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | **3. Trao đổi về bài nói**  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Bài nói của HS sau khi đã được rút kinh nghiệm từ nhận xét sau khi nói.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Căn cứ vào góp ý của các bạn và phiếu đánh giá tiêu chí, hoàn thiện bài nói của em (nếu cần).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS hoàn thiện bài nói của mình.

GV hướng dẫn HS hoàn thiện (nếu cần).

**B3: Báo cáo kết quả**

**GV** yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**HS** trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Đánh giá kết quả:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG** (cho về nhà và nộp trên Padlet)

**a. Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Sức hấp dẫn của các di tích lịch sử văn hóa với du khách.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

**HS** đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo kết quả**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

**HS** làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Đánh giá kết quả**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*